

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN HỒ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST.

Ngày: 31-01-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Phương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Kim Oanh và ông Mùi Văn Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ - tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Vì Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST- ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lường Văn N; tên gọi khác: không; sinh năm 1987; tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn Đ sinh năm: 1944 và bà Lường Thị Đ1 sinh năm: 1945; bị cáo có vợ là Hà Thị K sinh năm: 1986 và 02 con, con lớn sinh năm: 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: + Bản án số 31/2016/HSST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La và bản án số 44/2016/HSPT ngày 04/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã xử phạt bị cáo 10 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Hà Văn T số tiền 13.859.250 đồng và 200.000 đồng án phí HSST; 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm; 692.962 án phí DSST. Lường Văn N thi hành xong các khoản án phí HSST và án phí HSPT ngày 21/7/2016, thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm vào ngày 25/7/2016, bồi thường cho anh Hà Văn T năm 2017. Ngày 14/10/2017 Lường Văn Nguyễn chấp h xong án phạt.

+ Bản án số 23/2020/HS-ST, ngày 29/04/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 35, 36 BLHS xử 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Phạt tiền: 2.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu: 200.000 đồng án phí HSST.

Lường Văn N thi hành xong khoản tiền phạt và án phí HSST ngày 21, 25/7/2016. Đến ngày 05/03/2021 chấp hành xong án phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ tại, tạm giam kể từ ngày 15/12/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lường Văn T1; tên gọi khác: không; sinh năm 1979; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: **Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lường Văn Đ** sinh năm: 1944 và bà **Lường Thị Đ1** sinh năm: 1945; bị cáo có vợ là **Trần Thị Đ2** sinh năm: 1983 (Đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm: 2009, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 23/2020/HS-ST, ngày 29/04/2020 của TAND huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La áp dụng khoản 1,3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 35, 36 BLHS xử 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Phạt tiền 3.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí HSST. **Lường Văn T1** đã chấp hành xong tiền phạt bổ sung, án phí HSST ngày 18/6/2020. Đến ngày 05/12/2020 chấp hành xong án phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Văn H; tên gọi khác: không; sinh năm 1986; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: Bản Bó, **xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hà Văn P** (Đã chết) và bà **Lường Thị D** sinh năm: 1960; bị cáo có vợ là **Vì Thị Thuận** sinh năm: 1989 và 02 con, con lớn sinh năm: 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 01/11/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Vì Văn V; tên gọi khác: không; sinh năm 1981; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: **Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo, đảng phái: Đảng viên **Đ4** (Đã đình chỉ sinh hoạt Đảng); Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vì Văn Q** sinh năm: 1958 và bà **Hà Thị L** sinh năm: 1961; bị cáo có vợ là **Lường Thị N1** sinh năm: 1986 và 02 con, con lớn sinh năm: 2007, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Lường Văn N2; tên gọi khác: không; sinh năm 1994; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: Bản Coong, **xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng

trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lường Văn C** (Đã chết) và bà **Hà Thị Í** sinh năm: 1972; bị cáo có vợ là **Vi Thị Q1** sinh năm: 2000 và 02 con, con lớn sinh năm: 2019, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Vi Văn T2; tên gọi khác: không; sinh năm 1979; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: **Bản Bó, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vi Văn H1** sinh năm: 1934 và bà **Lường Thị L1** sinh năm: 1947; bị cáo có vợ là **Lường Thị D1** sinh năm: 1984 và 03 con, con lớn sinh năm: 2017, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 30/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

7. Đào Đình T3; tên gọi khác: không; sinh năm 1979; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: **Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đào Đình T4** (Đã chết) và bà **Lường Thị C1**; bị cáo có vợ là **Hà Thị Đ3** sinh năm: 1982 và 02 con, con lớn sinh năm: 2001, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 06/12/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

8. Vi Văn T5; tên gọi khác: không; sinh năm 1980; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: **Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vi Tiến D2** sinh năm: 1949 và bà **Đình Thị M** sinh năm: 1953; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

9. Vi Văn T6; tên gọi khác: không; sinh năm 1972; tại **huyện V, tỉnh Sơn La**; Nơi cư trú: **Bản Bó, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vi Văn H1** sinh năm: 1934 và bà **Lường Thị L1** sinh năm: 1947; bị cáo có vợ là **Lường Thị T7** sinh năm: 1975 và 02 con, con lớn sinh năm: 1996, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V từ ngày 30/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

10. Lường Văn T8; tên gọi khác: không; sinh năm 1994; tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Bó, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn P1 sinh năm: 1966 và bà Hà Thị T9 sinh năm: 1969; bị cáo có vợ là Lường Thị L2 sinh năm: 1998 và 02 con, con lớn sinh năm: 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V từ ngày 30/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

11. Lường Văn T10; tên gọi khác: không; sinh năm 1988; tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Bó, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn H2 (Đã chết) và bà Lường Thị V1 sinh năm: 1966; bị cáo có vợ là Hà Thị B sinh năm: 1993 và 02 con, con lớn sinh năm: 2013 con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

12. Lường Văn C2; tên gọi khác: không; sinh năm 1974; tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản T, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn S và bà Lường Thị T11 (Đều đã chết); bị cáo có vợ là Hà Thị I sinh năm: 1980 và 04 con, con lớn sinh năm: 1999 con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

13. Lường Văn T12; tên gọi khác: không; sinh năm 1986; tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Bó, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn T13 sinh năm: 1957 và bà Hà Thị U sinh năm: 1962; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/02/2015, Lường Văn T12 bị Chủ tịch UBND huyện V áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại T tại Trung tâm Giáo dục - Lao động Tỉnh S. Đến ngày 13/03/2017, Lường Văn T12 đã hoàn thành thời gian quản lý sau cai nghiện.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

14. Hà Văn K1; tên gọi khác: không; sinh năm 1971; tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Bó, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L3 (Đã chết) và bà Hà Thị P2 (T14) Đã chết; bị cáo có vợ là Hà Thị C3 sinh năm: 1972 và 02 con, con lớn sinh năm: 1992 con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 thì được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Văn H3, sinh năm: 1985, địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút Tổ công tác Công an huyện V đến nhà anh Đào Văn T15, sinh năm: 1989, tại Bản N, xã Q, huyện V để kiểm tra hành chính, phát hiện bắt quả tang Lương Văn N, Đào Đình T3, Hà Văn K1, Lương Văn C2, Lương Văn T12, Lương Văn N2, Vi Văn V, Lương Văn T10, Lương Văn T1, Vi Văn T5, Vi Văn T2, Lương Văn T8 và Hà Văn H đang đánh bạc dưới hình thức ba cây sát phạt nhau bằng tiền. Khi tổ công tác đến kiểm tra thì T8, T2, H, N và T3 bỏ trốn, tổ công tác đã khống chế bắt giữ được T1, K1, T10, V, T5, C2, N2 và T12. Căn cứ vào hành vi vi phạm của các đối tượng, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T1, K1, T10, V, T5, C2, N2 và T12. Quá trình bắt quả tang đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.910.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ gồm 36 quân bài, một mặt hình hoa văn màu xanh đã qua sử dụng. Đồng thời dẫn giải các đối tượng đã khống chế được về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai ngoài các đối tượng tham gia đánh bạc ở trên còn có Vi Văn Thức tham gia đánh bạc, nhưng do hết tiền nên đã nghỉ chơi từ trước đó. Ngày 30/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã triệu tập Vi Văn Thức lên để điều tra làm rõ hành vi đánh bạc của Vi Văn Thức. Tại Cơ quan điều tra Vi Văn T6 đã thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình với các đối tượng trên.

Ngày 30/10/2023 Vi Văn T8 ra đầu thú, giao nộp số tiền cầm theo khi bỏ trốn là 920.000đ và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Ngày 01/11/2023 Hà Văn H ra đầu thú, giao nộp số tiền cầm theo khi bỏ trốn là 3.770.000đ và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Ngày 06/12/2023 Đào Đình T3 ra đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Ngày 15/12/2023 Lương Văn N ra đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Ngày 30/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Sơn La đã trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh S tiến hành giám định số tiền 5.960.000 đồng, gồm 5.910.000đ thu giữ khi bắt quả tang các bị can và 50.000đ thu giữ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Văn T8. Tại kết luận giám định số 2511/KL-KTHS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Phòng K2 Công an tỉnh S đã kết luận: “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai:

Khoảng 18 giờ ngày 29/10/2023, gia đình anh Đào Văn T15, sinh năm 1989, trú tại: Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La có tổ chức tiệc mừng tân gia nhà mới tại Bản B, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mời Hà Văn K1, Lương Văn T12, Lương Văn C2, Vi Văn T5, Lương Văn T1, Lương Văn T10, Vi Văn V, Lương Văn N2, Vi V, Vi Văn Thức, Lương Văn T8, Hà Văn H, Đào Đình T3, Lương Văn N đến dự tiệc. Đến khoảng 21 giờ, sau khi ăn cơm xong thì N, K1, T6 và T2 ra ngoài sân ngồi uống nước. Ngồi uống nước một lúc thì Nguyễn rủ K1, T2, T6 chơi đánh bạc thì tất cả đồng ý. Sau đó T2 cầm bộ bài tú lơ khơ ở bàn bi a rồi cùng N, T6, K1 đi vào gác xép nhà của Đào Văn T15 để đánh bạc. Khởi ngồi ở gần cửa lên gác xép, bên tay phải K1 là T2, bên tay trái là T6, đối diện là N. Sau đó T2 đưa bộ tú lơ khơ cho N, Nguyễn l lấy các quân bài từ A đến 9 và thống nhất chơi bằng hình thức đánh ba cây, ban đầu thống nhất mỗi ván cược là 5.000 đồng thì tất cả mọi người có mặt đều đồng ý. Đánh được một lúc thì có Hiếu, T10 và V đi vào tham gia đánh bạc. H ngồi giữa N và T2, T10 và V ngồi giữa K1 và T6, V ngồi gần K1, T10 ngồi gần T6, V, T10 thay nhau đánh một cửa. Lúc này H là người cầm chương và thống nhất mức cược mỗi ván là 50.000 đồng. Khoảng 10 phút T3 đi vào ngồi giữa N và H tham gia đánh cùng. Đánh được một lúc thì T6, Nguyễn n ngồi xem. Khoảng 10 phút sau T12 và C2 đi vào đánh, T12 thế chỗ T6, C2 thế chỗ của N, N đi lại ngồi cạnh H để chia bài, T6 nghỉ đi về nhà. Khoảng 5 phút sau T8 đi vào thế chỗ của C2, C2 lùi lại ngồi phía sau T8. 5 phút sau T1 đi vào, lúc này N và H chơi chung 1 cửa, T1 đi vào ngồi giữa K1 và T2. 5 phút sau N2 đi vào được một lúc thì K1, T2 hết tiền, K1 đi về nhà làm việc, còn T2 ngồi lại phía sau xem, N2 thế chỗ của K1 để đánh. 5 phút sau T5 đi vào ngồi vào giữa T12 và T8 để đánh. Khoảng 10 phút sau K1 quay

lại đứng sau Nam xem mọi người đánh. Đến khoảng 22 giờ 30 phút thì tổ công tác Công an huyện V đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức chơi “ba cây” được quy định như sau: Sử dụng một bộ bài tứ lơ ròi lọc lấy các quân bài từ A đến 9 để đánh. Người cầm chương chia bài cho người chơi 03 quân bài để tính điểm phân thắng thua với chương, nếu chương thắng thì chương được số tiền của người chơi, ngược lại người chơi thắng thì người chơi được chương trả tiền bằng mức cược mỗi ván, mỗi ván có tổng 09 người chơi. Cách tính điểm như sau: Tính tổng số điểm của 03 quân bài lại, nếu tổng điểm từ 3 đến 10 thì điểm của người chơi đó tương ứng là 3 đến 10. Nếu tổng điểm từ 11 đến 20 thì điểm của người chơi đó tương ứng với là 1 đến 10. Nếu tổng điểm từ 11 đến 27 thì điểm của người chơi đó tương ứng với là 1 đến 7. Cách so thắng thua như sau, người nào có điểm bài cao hơn thì người đó thắng, nếu cùng điểm thì so chất bài, người nào có chất bài cao hơn thì người đó thắng, theo thứ tự từ bé đến lớn B<Chuồn<Cơ<Rô. Nếu cùng chất bài thì so quân bài, người nào có quân bài cao hơn thì người đó thắng, thứ tự từ bé đến lớn A<2<3...<9. Riêng chất rô đi từ bé đến lớn 2<3<...<9<A.

Mức cá cược được thống nhất như sau: Ban đầu Lương Văn N là người cầm chương và thống nhất với Hà Văn K1, Vi Văn T2 và Vi Văn Thức mỗi ván cược là 5.000 đồng. Sau đó có Hà Văn H, Lương Văn T10, Vi Văn V, sinh năm: 1981, trú tại bản N, xã Q, huyện V đi vào tham gia đánh bạc, lúc này H là người cầm chương và thống nhất mỗi ván cược là 50.000 đồng.

Số tiền 14 bị can sử dụng đánh bạc và bị thu giữ cụ thể như sau:

- + Hà Văn K1 sử dụng 610.000 đồng để đánh bạc, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thua hết tiền và bị thu giữ 10.000 đồng;
- + Lương Văn C2 sử dụng: 270.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thua hết tiền;
- + Lương Văn T12 sử dụng: 150.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thắng bạc và bị thu giữ: 1.250.000 đồng;
- + Lương Văn N2 sử dụng 700.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thắng bạc và bị thu giữ: 1.150.000 đồng;
- + Vi Văn V sử dụng 1.300.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thắng bạc và bị thu giữ: 1.100.000 đồng;
- + Lương Văn T10 sử dụng 50.000 đồng, sau đó thua hết, vay của Đào Đình T3 500.000 đồng để đánh bạc tiếp, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thắng bạc và bị thu giữ: 750.000 đồng;
- + Lương Văn T1 sử dụng 200.000 đồng, vay H 500.000 đồng, T12 trả nợ 1.500.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thua bạc và bị thu giữ: 600.000 đồng;

- + Vì Văn T5 sử dụng 500.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thắng bạc và bị thu giữ: 1.050.000 đồng;
- + Vì Văn Thoa sử dụng 330.000 đồng, khi bị cơ quan Công an bắt quả tang đang thua bạc hết tiền;
- + Vì Văn Thức sử dụng 40.000 đồng, thua bạc hết tiền;
- + Lường Văn T8 sử dụng 250.000 đồng sau đó thua hết, vay Lường Văn T12 200.000 đồng đánh tiếp, thắng bạc, bỏ trốn mang theo số tiền là 920.000 đồng, đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền trên.
- + Hà Văn H sử dụng 6.800.000 đồng, bỏ trốn mang theo số tiền là 3.770.000đ, đã nộp lại số tiền mang theo;
- + Lường Văn N sử dụng 700.000đ, bỏ trốn mang theo 800.000đ đã tiêu sài hết;
- + Đào Đình T3 sử dụng 200.000 đồng, bỏ trốn mang theo 700.000đ đã tiêu sài hết;

Như vậy, tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc là: 14.800.000 đồng. Trong đó, quá trình đánh bạc Lường Văn T12 thắng bạc đã trả nợ Lường Văn T1 1.500.000 đồng, cho Lường Văn T8 vay 200.000 đồng; Đào Đình T3 cho Lường Văn T10 vay 500.000 đồng; Hà Văn H cho Lường Văn T1 vay 500.000 đồng để đánh bạc.

Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Lường Văn N, Đào Đình T3, Hà Văn K1, Lường Văn C2, Lường Văn T12, Lường Văn N2, Vi Văn V, Lường Văn T10, Lường Văn T1, Vi V, Vi Văn T2, Lường Văn T8, Hà Văn H và Vi Văn Thức về tội: Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lường Văn N từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lường Văn T1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng về tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 01/11/2023

đến ngày 22/12/2023 là 52 ngày, được quy đổi thành 156 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Văn K1, Lương Văn T10, Vi Văn V, Vi Văn T5, Lương Văn C2, Lương Văn N2, Lương Văn T12 từ 09 tháng đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023 là 55 ngày, được quy đổi thành 165 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vi Văn T16, Vi Văn Thức, Lương Văn T8 từ 10 tháng đến 14 tháng Cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 30/10/2023 đến ngày 22/12/2023 là 54 ngày, được quy đổi thành 162 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đào Đình T3 từ 10 tháng đến 14 tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 22/12/2023 là 16 ngày, được quy đổi thành 48 ngày cải tạo không giam giữ.

- Giao các bị cáo: Lương Văn T1, Vi Văn V, Lương Văn C2, Lương Văn T10, Vi Văn T5, Lương Văn T12, Hà Văn K1, Đào Đình T3, Lương Văn T8, Hà Văn H, Vi Văn Thức, Lương Văn N2, Vi Văn Thoà cho UBND xã Q, quản lý và giáo dục trong thời gian chấp hành án. Không khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 BLTTHS .

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ tú lơ khơ 36 quân bài, mặt sau có hoa văn màu canh, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 10.600.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Truy thu số tiền: 800.000 đồng của Lương Văn N; 700.000 đồng của Đào Đình T3; 1.500.000 đồng và 500.000 đồng của Lương Văn T1; 200.000 đồng của Lương Văn T8; 500.000 đồng của Lương Văn T10.

Về án phí: Áp dụng điểm a, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị HĐXX miễn án phí HSST cho các bị cáo.

- Ý kiến của các bị cáo Đào Đình T3, Hà Văn K1, Lương Văn C2, Lương Văn T12, Lương Văn N2, Vi Văn V, Lương Văn T10, Lương Văn T1, Vi Văn V, Vi Văn T16, Vi Văn T6, Lương Văn T8 và Hà Văn H: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Ý kiến của bị cáo **Lường Văn N**: Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo cũng rất ăn năn hối cải và xin HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của Pháp luật cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Do bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội Đánh bạc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân vẫn tiếp tục phạm tội Đánh bạc. Bị cáo còn có hành vi bỏ trốn khi tổ Công tác đến kiểm tra làm việc, đến 15/12/2023 bị cáo mới ra đầu thú, gây khó khăn cho công tác điều tra của Cơ quan điều tra. Do đó, hình phạt từ 20 đến 24 tháng tù là phù hợp với hành vi và nhân thân của bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin được HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về chứng cứ xác định có tội: Ngày 29/10/2023, **Lường Văn N, Đào Đình T3, Hà Văn K1, Lường Văn C2, Lường Văn T12, Lường Văn N2, Vi Văn V, Lường Văn T10, Lường Văn T1, Vi V, Vi Văn T16, Vi Văn T6, Lường Văn T8** và **Hà Văn H** có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, dưới hình thức đánh ba cây tại bản Bó, **xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La** thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 14.800.000 đồng. Trong đó, quá trình đánh bạc **Lường Văn T12** thắng bạc đã trả nợ **Lường Văn T1** 1.500.000 đồng, cho **Lường Văn T8** vay 200.000 đồng; **Đào Đình T3** thắng bạc cho **Lường Văn T10** vay 500.000 đồng; **Hà Văn H** cho **Lường Văn T1** vay 500.000 đồng để đánh bạc. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc đánh bài sát phạt nhau bằng tiền mà tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là 14.800.000đ là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vì ham vui và ham thu lời bất chính nên đã cố tình phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi trên của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an và gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Các bị cáo **Đào Đình T3, Hà Văn K1, Lường Văn C2, Lường Văn T12, Lường Văn N2, Vi Văn V, Lường Văn T10, Vi V, Vi Văn T16, Vi Văn T6, Lường Văn T8** và **Hà Văn H** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo **Hà Văn K1, Lường Văn C2, Lường Văn T12, Lường Văn N2, Vi Văn V, Lường Văn T10, Vi V, Vi V, Vi Văn Thức, Lường Văn T8, Hà Văn H, Lường Văn N** và **Lường Văn T1** đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo **Lường Văn N** và **Lường Văn T1** đã bị kết án về Tội đánh bạc. Nhưng vì hám lợi, coi thường pháp luật vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo.

Xét vai trò đồng phạm trong vụ án: **Lường Văn N** là người khởi xướng, rủ rê, các bị cáo **Hà Văn K1, Vi Văn T16** và **Vi Văn T6** tiếp nhận ý trí cùng đánh bạc. Bị cáo **Vi Văn T16** chuẩn bị công cụ phương tiện để thực hiện hành vi đánh bạc. Khi thấy các bị cáo trên đang đánh bạc thì các bị cáo: **Đào Đình T3, Lường Văn C2, Lường Văn T12, Lường Văn N2, Vi Văn V, Lường Văn T10, Lường Văn T1, Vi Văn T5, Lường Văn T8** và **Hà Văn H** tự ý vào tham gia đánh bạc cùng. Do đó, các bị cáo là đồng phạm với nhau trong vụ án, bị cáo **Lường Văn Nguyễn g** vai trò chính.

Mặt khác, trong vụ án số tiền bị cáo **H** sử dụng vào việc đánh bạc lớn hơn nhiều các bị cáo khác là 6.800.000đ trên tổng 14.800.000đ dùng vào việc đánh bạc.

Vì vậy, khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của từng bị cáo để có một mức án phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên đối bị cáo **Lường Văn N**: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Lường Văn N** từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội: Đánh bạc. HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh đối với bị cáo **Lường Văn N**. Bị cáo **Lường Văn N** có 02 tiền án đã được xóa án tích, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo cũng đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công

dân có ích. Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo **N** được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo **Lường Văn T1** có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX xét thấy chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo **Lường Văn N** và **Lường Văn T1** được hưởng án treo vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo **Đào Đình T3**, **Hà Văn K1**, **Lường Văn C2**, **Lường Văn T12**, **Lường Văn N2**, **Vì Văn V**, **Lường Văn T10**, **Vì V**, **Vì Văn T16**, **Vì Văn T6**, **Lường Văn T8** và **Hà Văn H** có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Do đó, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội vẫn đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. HĐXX cho các bị cáo **Đào Đình T3**, **Hà Văn K1**, **Lường Văn C2**, **Lường Văn T12**, **Lường Văn N2**, **Vì Văn V**, **Lường Văn T10**, **Vì V**, **Vì Văn T16**, **Vì Văn Thức**, **Lường Văn T8** và **Hà Văn H** cho các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Nên HĐXX không khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS, các bị cáo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Qua xác minh, các bị cáo không có tài sản có giá trị, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[5] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện V**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện V**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[6] Vật chứng của vụ án:

Đối với 01 bộ tú lơ khơ 36 quân bài, mặt sau có hoa văn màu xanh, đã qua sử dụng là vật không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 10.600.000 đồng thu giữ của các bị cáo là số tiền sử dụng vào việc phạm tội. Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000đ **Lường Văn T10** vay của **Đào Đình T3** để tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc. Do đó, HĐXX tuyên truy thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 500.000đ **Lường Văn T1** vay của **Vì Văn H** và 1.500.000đ **Tiện** được **Lường Văn T12** trả nợ vay từ trước. **Tiện** tiếp tục sử dụng số tiền 2.000.000đ này vào hành vi đánh bạc. Do đó, HĐXX tuyên truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền này.

Đối với số tiền 200.000đ **Lường Văn T8** vay của **Lường Văn T12** để tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc. Do đó, HĐXX tuyên truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền này.

Đối với số tiền 700.000đ của **Đào Đình T3** và số tiền 800.000đ **Lường Văn N** cầm theo người khi bỏ trốn, các bị cáo đã tiêu sài hết. Do đó, HĐXX tuyên truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền trên của 2 bị cáo.

[7] Về những vấn đề liên quan khác:

Đối với địa điểm các bị cáo sử dụng để đánh bạc, quá trình điều tra xác định là gác xếp nhà anh **Đào Văn T15**, sinh năm 1989 và chị **Lường Thị S1**, sinh năm: 1988, trú tại: **Bản N, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**. Ngày 29/10/2023, gia đình anh **T15** và chị **S1** có tổ chức mừng tân gia nhà mới tại **Bản B, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**. Việc các bị cáo sử dụng gác xếp nhà anh **T15** và chị **S1** để đánh bạc thì anh, chị không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Cơ quan CSĐT **Công an huyện V** không có căn cứ để xử lý đối với **Đào Văn T15** và chị **Lường Thị S1**.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo **Hà Văn H** sử dụng vào đánh bạc là số tiền bị cáo lấy nợ từ anh **Hà Văn H3**, sinh năm: 1985, trú tại: **Bản B, xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La**. Việc **H** sử dụng số tiền trên để đánh bạc thì anh **H3** không biết và không liên quan đến hành phạm tội của **H**. Do đó, Cơ quan CSĐT **Công an huyện V** không xử lý đối với **Hà Văn H3** là có căn cứ, đúng quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo **Hà Văn K1**, **Lường Văn C2**, **Lường Văn T12**, **Lường Văn N2**, **Vì Văn V**, **Lường Văn T10**, **Vì V**, **Vì V**, **Vì Văn Thức**, **Lường Văn T8**, **Hà Văn H**, **Lường Văn N** và **Lường Văn T1** là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin HĐXX miễn án phí cho bị cáo. HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo **Đào Đình T3** là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ có quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Hà Văn K1, Lường Văn C2, Lường Văn T12, Lường Văn N2, Vi Văn V, Lường Văn T10, Vi V, Vi V, Vi Văn Thức, Lường Văn T8, Hà Văn H, Lường Văn N, Đào Đình T3 và Lường Văn T1 phạm tội: Tội đánh bạc.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 31/01/2024. T14 trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo đang không bị tạm giam bởi một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn T1 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 31/01/2024.

Giao các bị cáo Lường Văn N, Lường Văn T1 cho UBND xã Q, huyện V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo V2 Văn Thức 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 54 ngày tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 30/10/2023 đến ngày 22/12/2023), quy đổi thành 162 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 3 (Ba) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo **Vì Văn T16**, **Lường Văn T8** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 54 ngày tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 30/10/2023 đến ngày 22/12/2023), quy đổi thành 162 ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 6 (Sáu) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Hà Văn H** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 52 ngày tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 22/12/2023), quy đổi thành 156 ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 6 (**S2**) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Hà Văn K1** 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 55 ngày tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023), quy đổi thành 165 ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 4 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Vì Văn T17**, **Lường Văn T12**, **Lường Văn C2**, **Lường Văn T10**, **Vì Văn V**, **Lường Văn N2** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 55 ngày tạm giữ (từ 29/10/2023 đến ngày 22/12/2023), quy đổi thành 165 ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 3 (Ba) tháng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Đào Đình T3** 13 (Mười Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 16 ngày tạm giữ (Từ ngày 06/12/2023 đến ngày 22/12/2023), quy đổi thành 48 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự **Công an huyện V**, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án. Không khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo.

*Giao các bị cáo **Đào Đình T3**, **Hà Văn K1**, **Lường Văn C2**, **Lường Văn T12**, **Lường Văn N2**, **Vì Văn V**, **Lường Văn T10**, **Vì V**, **Vì Văn T16**, **Vì Văn T6**, **Lường Văn T8** và **Hà Văn H** cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.*

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ tú lá khơ 36 quân bài, mặt sau có hoa văn màu xanh.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là 10.600.000 đồng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội, số tiền do phạm tội mà có:

+ Truy thu của **Lường Văn T10** là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)

+ Truy thu của **Lường Văn T1** là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)

+ Truy thu của **Lường Văn T8** là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

+ Truy thu của **Lường Văn N** là 800.000đ (**T18** trăm nghìn đồng)

+ Truy thu của **Đào Đình T3** là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)

Theo biên bản giao nhận vật chứng số 35/BBVC-CCTHA ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

5. Về án phí: Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện (02 bản);
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phương Giang

**THÀNH VIÊN HỘ ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phương Giang

THÀNH VIÊN HỘ ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phương Giang

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện (02 bản);
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phương Giang

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện (02 bản);
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phương Giang

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện (02 bản);
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA****Vũ Hồng Nghiêm**

